

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228A/2021/DS-ST

Ngày 22/12/2021

V/v: Yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Triệu Thúy Hà;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Anh, ông Nguyễn Hữu Đệ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-DS về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 08/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-DS ngày 15/11/2021 Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 26/11/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn Khê N, xã Nguyên K, huyện Đông A, thành phố Hà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N, ông Nguyễn Văn H- Luật sư Văn phòng luật sư Hà L và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1996.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1969.

Đều trú tại: Thôn Mạch T, xã Cổ L, huyện Đông A, thành phố Hà N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Duy N, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Khê N, xã Nguyên K, huyện Đông A, thành phố Hà N.

Có mặt: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Duy N.

Vắng mặt: Bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, Nguyên đơn chị Vũ Thị N có lời trình bày được tóm tắt như sau:

Chị N là chủ sở hữu chiếc xe ô tô BKS 30F-29248 hãng xe KIA CERATO. Chiếc xe này được chị mua của Salon ô tô Việt H với giá 440.000.000 đồng vào ngày 06/10/2020, việc mua bán xe có lập hợp đồng, các bên giao toàn bộ giấy tờ liên quan đến xe ô tô nói trên nhưng chưa đăng kí sang tên. Sau khi mua chiếc xe ô tô nêu trên, chị sử dụng xe cho hoạt động gia đình và thỉnh thoảng ai có nhu cầu vận chuyển hành khách thì chị sử dụng xe để chở khách kinh doanh.

Vào ngày 27/10/2020, chị có thuê anh Nguyễn Ngọc M lái xe, trả công 350.000 đồng/ngày. Xăng xe và các chi phí hao mòn do chị chi trả. Xe ô tô và các giấy tờ giao cho anh M quản lý.

Vào đêm ngày 10/11/2020, anh M điều khiển xe đón khách sau đó trả khách tại địa bàn tỉnh Hải D. Khoảng 03 giờ sáng ngày 11/11/2020, tại khu vực lối vào đường gom đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng khu vực huyện Yên M, tỉnh Hưng Y, anh M đang điều khiển xe thì đâm vào dải phân cách gây thiệt hại cho xe ô tô của chị. Khi xảy ra tai nạn, anh M đã tự liên hệ với gia đình anh, đồng thời gọi xe cứu hộ giao thông đưa xe về gara Công C, xã Nguyên K, huyện Đông A. Tại gara Công C, chủ Garage Công C tự ước lượng thiệt hại xe ban đầu khoảng 60.000.000 đồng - 70.000.000 đồng. Ước tính thiệt hại mang tính chất cảm tính nhìn bên ngoài, thông báo miệng cho các bên, không mở xe kiểm kê chi tiết các bộ phận bị hỏng hóc. Sau khi tự gây tai nạn, anh M tháo camera hành trình và xóa hết dữ liệu. Anh Vũ Văn N, chồng chị N đã phải khôi phục dữ liệu và in sao cung cấp cho Tòa án đoạn video của Camera giám sát hành trình.

Ngày 12/11/2020, chị N, anh N cùng đến gia đình anh M thông báo thiệt hại sơ bộ là 60.000.000 đồng. Ngày 27/11/2020, bà Đào Thị T là mẹ đẻ anh M đã thay anh M bồi thường cho chị N, anh Nam 60.000.000 đồng.

Sau khi kiểm tra chi tiết xe bị hỏng nhiều thiết bị, Gara ô tô Công C thông báo chi phí sửa chữa là 200.000.000 đồng. Anh M không đồng ý với mức giá sửa chữa này.

Do gia đình anh M không đồng ý với báo giá của Garage Công C, chị N đã mời Hãng KIA ô tô chi nhánh Bắc Từ L của Công ty ô tô Trường H xem xét thực tế các thiệt hại của chiếc xe. Mức giá phía Hãng KIA ô tô Trường H đưa ra là 316.701.730 đồng (đã bao gồm thuế VAT). Chi phí thuê nhân viên kỹ thuật chuyên môn của hãng Kia kiểm tra là 2.500.000 đồng. Chi phí này đã được chị N thông báo đến gia đình anh M.

Quan điểm của chị N là thiệt hại do anh M gây ra khi sử dụng xe là do lỗi của anh M đã không làm chủ tốc độ, điều khiển xe dẫn đến tự gây tai nạn, thiệt hại ước tính 300.000.000 đồng. Anh M đã trả 60.000.000 đồng. Chị N yêu cầu anh M bồi thường 240.000.000 đồng

2 . Bị đơn anh M và đại diện bị đơn có lời khai như sau:

Anh M là người lái xe thuê cho chị N. Thông qua mạng xã hội, chồng chị N là anh N gọi điện cho anh M đề xuất anh lái xe thuê cho gia đình và trả công theo ngày. Vào ngày, 27/10/2020, hai bên ký kết biên bản giao xe.

Anh M quản lý xe từ ngày 27/10/2020. Xe của chị N là hãng xe KIA CERATO, BKS 30F-292.48. Thời điểm xảy ra tai nạn vào rạng sáng (vào khoảng 03 giờ 00 phút) ngày 11/11/2020. Nguyên nhân tai nạn là do phanh xe không ăn. Khi anh M đang điều khiển xe, anh đi với tốc độ khoảng 40km/h.

Khi tai nạn xảy ra, anh M đã nhờ người gọi điện về cho gia đình. Khi đó, bà Thu là mẹ anh M - Đào Thị T đã gọi điện cho anh N - chồng chị N nhưng anh N không nghe máy. Sau đó, anh M gọi điện cho anh N thì anh bảo xe không có bảo hiểm và bảo anh gọi cứu hộ để kéo xe về gara chỗ người quen của anh N. Khi xe đến cầu Phù L thì gia đình gọi anh N ra đón và anh N bảo anh M đưa xe vào gara. Sau đấy khoảng 1 tuần thì anh N gọi anh M đi ăn nhà hàng để hai bên bàn bạc về việc sửa xe. Khi đó anh N, chị N bảo anh M tiền sửa xe hết khoảng 50.000.000 đồng - 60.000.000 đồng. Do đó, gia đình anh đã bồi thường luôn 60.000.000 đồng cho chị N. Chị N đã nhận tiền tại nhà bà T (mẹ anh M), có ký vào biên bản nhận tiền.

Sau một thời gian, chị N báo giá sửa chữa hết 180.000.000 đồng, chị N đã nói gia đình chị sẽ hỗ trợ anh M khoảng 20% trên số tiền trên. Tuy nhiên, gia đình bà không đồng ý. Một hôm sau, anh Chính ở gara Công C về tận nhà bà báo giá sửa chữa xe là 190.000.000 đồng. Sau đó mấy hôm thì anh N nhắn tin cho bà bảo rằng Tòa án đã thuê hãng KIA định giá sửa chữa là 300.000.000 đồng chứ không phải là 200.000.000 đồng nữa.

Khi ký biên bản giao xe với anh M, anh N, chị N bảo xe có bảo hiểm thì anh M mới đồng ý lái, nếu không có thì không lái. Tuy nhiên khi tai nạn xảy ra thì anh N lại bảo xe không có bảo hiểm.

Nay chị N yêu cầu anh M bồi thường thêm, anh M và bà T không chấp nhận.

Bà T cho rằng do xe đã để quá lâu trong garage của người nhà anh N, xe đã bị sửa chữa, tháo dỡ, thay thế phụ tùng như thế nào thì gia đình bà không biết được nên không còn hiệu lực khách quan nữa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Duy N nhất trí với toàn bộ lời trình bày của chị N và không bổ sung gì thêm.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N ông Nguyễn Văn H- Luật sư: Nhất trí với toàn bộ lời trình bày của chị N và không bổ sung gì thêm.

5. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/11/2021, chị N giao nộp cho Tòa án:

+ Vi bằng số 626/2021/VB-TPLHK ngày 16 tháng 09 năm 2021 của Văn phòng Thừa phát lại Hoàn K về việc ghi nhận hiện trạng của chiếc xe KIA CERATO BKS 30F-292.48;

+ Vi bằng số 152/2021/VB-TPLTL của Văn phòng Thừa phát lại Thăng L ghi nhận việc mua bán xe giữa anh Vũ Duy N, chị Vũ Thị N với anh Phạm Công M.

+ Hợp đồng mua bán xe đề ngày 04/10/2021 giữa Chị Vũ Thị N với anh Phạm Công M có nội dung chị N bán xe KIA CERATO BKS 30F-292.48; cho anh Phạm Công M với giá là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Việc mua bán tự nguyện, có sự chứng kiến của Thừa phát lại.

+ Tại biên bản ghi chép ý kiến ngày 08/11/2021 của chị N và kiểm tra đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa chị N với bà Đào Thị T, chị N trình bày: Lý do chị và anh N phải bán xe vì: Xe đã bị tai nạn cũ nát, càng để lâu sẽ càng thiệt hại nhiều hơn do hao mòn, do các thiết bị của xe chịu tác động của môi trường khí hậu, thời gian..... Việc để xe một chỗ gây thiệt hại nhiều hơn đối với cả nguyên đơn và bị đơn. Đoạn hội thoại thể hiện chị N đã gọi điện thoại thông báo cho bà Đào Thị T nhưng bà T có thái độ không hợp tác và bảo chị “muốn làm gì thì làm”.

Chị N xác định thiệt hại như sau: Lấy giá mua xe tại Salon ô tô Việt H là 440.000.000 đồng - 120.000.000 đồng (giá trị xe còn lại bán cho anh Nguyễn Công M - 60.000.000 đồng (anh M đã bồi thường) = 260.000.000 đồng. Chị N yêu cầu anh M bồi thường tiếp 260.000.000 đồng

Chị N cho rằng: Do lỗi của anh M gây thiệt hại tài sản cho chị, lẽ ra anh M phải bồi thường cho chị tiền mất thu nhập thực tế do xe không được vận hành, ô tô hỏng nằm một chỗ trong garage trong thời gian dài cũng do lỗi của anh M, bà T không chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, chị tự nguyện không yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để vụ án sớm kết thúc.

Xác minh tại Công an huyện Khoái C và Huyện Yên M tỉnh Hưng Y: Không có ai trình báo về tai nạn, tự nạn.

Xác minh tại công ty cổ phần bảo hiểm AAA: Chủ xe không có yêu cầu bồi thường liên quan đến xe ô tô 30F-292.48.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Duy N chồng chị N có mặt xác định lỗi 100% thuộc về bị đơn. Anh nhất trí với yêu cầu của chị N về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại là 320.000.000 đồng, anh M đã bồi thường 60.000.000 đồng, nay còn phải bồi thường tiếp 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) cho vợ chồng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Vũ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại do bị đơn sử dụng xe ô tô 30F-292.48 thuộc sở hữu của chị, gây thiệt hại về vật chất là 320.000.000 đồng. Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh M cư trú tại địa bàn huyện Đông A, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N khởi kiện đối với anh M yêu cầu giải quyết vụ án dân sự vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị N tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn, anh M tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là phù hợp pháp luật. Bà Đào Thị T là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, tại thời điểm xét xử, Toà án nhân dân huyện Đông A không nhận được thông báo nào về việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền.

Anh Vũ Duy N là chồng hợp pháp của chị N. Anh chị khẳng định chiếc ô tô trên là tài sản chung vợ chồng. Vì vậy, anh N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp pháp luật.

Về việc không đưa công ty bảo hiểm vào tham gia tố tụng: Xác minh tại Công ty cổ phần bảo hiểm A thì chủ xe cơ giới không yêu cầu bảo hiểm bồi thường trách nhiệm dân sự bắt buộc, các đương sự không trình báo cơ quan Công an. Thiệt hại về tài sản trong vụ án này do bị đơn gây ra đối với nguyên đơn, không thuộc trường hợp thiệt hại của bên thứ ba được bồi thường theo nguyên tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới. Do vậy, khi giải quyết vụ án, Toà án không đưa Công ty bảo hiểm A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về thái độ chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật, nhiều lần không tham gia tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Toà án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền, họ đều nắm rõ thông tin nhưng cố ý vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

Xét về trình tự thủ tục tố tụng thu thập chứng cứ: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng từ thụ lý đến xét xử theo quy định. Do không định giá được tài sản và công ty thẩm định giá từ chối thẩm định giá. Phía bị đơn không chấp hành tố tụng, Hội đồng xét xử căn cứ và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Toà án thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án, đảm bảo quyền lợi, sự công bằng cho các đương sự.

Về thủ tục tạm ngừng phiên toà: Đại diện viện kiểm sát yêu cầu ngừng phiên toà điều tra thêm chứng cứ, việc điều tra chứng cứ không thực hiện được tại phiên toà nên tạm ngừng phiên toà là đúng pháp luật.

Việc điều tra thu thập chứng cứ trong giai đoạn tạm ngừng phiên, kết quả thu thập được chứng cứ tài liệu mới đều được tổng đạt cho các đương sự và được công khai tại phiên toà đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. Ngày 06/10/2020, chị N mua xe ô tô KIA CERATO BKS 30S-292.48 tại Salon ô tô Việt H, thị trấn Đông A, huyện Đông A, thành phố Hà N với giá 440.000.000 đồng; Xe chưa sang tên chị N, thời điểm xảy ra tranh chấp xe đứng tên chủ xe là Hoàng Văn H. Mặc dù chưa sang tên giấy tờ xe nhưng căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Biên bản xác minh thể hiện: Hợp đồng mua bán xe của chị N với Salon ô tô Việt H, chủ xe Hoàng Văn H đã chuyển toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe (Hoá đơn giá trị gia tăng của hộ Kinh Doanh Hoàng Văn H, Biên lai nộp thuế của Hoàng Văn H, Giấy tờ nhân thân của Hoàng Văn H, Chứng nhận đăng kiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự đều mang tên Hoàng Văn H cho Salon ô tô Việt H và phía Salon ô tô Việt H đã chuyển giấy tờ xe cho chị N đồng thời xuất Hoá đơn giá trị gia tăng cho chị N, giữa các bên không tranh chấp gì về hợp đồng mua bán xe ô tô nên xác định chiếc xe trên đã được mua bán hợp pháp, việc đăng kí sang tên chỉ là thủ tục hành chính, không ảnh hưởng đến quyền về tài sản của chủ sở hữu là chị N, anh N.

Ngày 27/10/2020, chị N thuê anh Nguyễn Ngọc M lái xe dịch vụ chở khách và trả công 350.000 đồng/ngày, có lập Biên bản giao xe cho nhân viên. Nội dung trong biên bản giao xe nêu trên thoả thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên, theo đó: anh M là “ Bên nhận ô tô có trách nhiệm sử dụng xe an toàn, hiệu quả, bảo quản xe, tài sản trên và các loại tài sản thuộc sở hữu của chủ xe. Thông báo kịp thời các tình huống phát sinh hoặc có thể xảy ra trong quá trình được giao xe...”, chị N có nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3 của “Biên bản giao xe cho nhân viên” là bàn giao giấy tờ liên quan đến phương tiện cho anh M.

Chị N thực hiện đúng nghĩa vụ đó là giao xe đủ điều kiện vận hành, có đăng kí, đăng kiểm, có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới, giữa các bên không có tranh chấp liên quan đến vấn đề tiền công.

Các lời khai của đương sự các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ của Tòa án có thể khẳng định người lái xe ô tô KIA CERATO BKS 30F-292.48 tự gây tai nạn khiến xe ô tô hư hỏng nặng, người gây thiệt hại là anh Nguyễn Ngọc M; Lỗi 100% thuộc về anh M. Anh M thừa nhận gây thiệt hại và thực hiện được một phần nghĩa vụ. Song, so sánh với thiệt hại thực tế xảy ra với nghĩa vụ anh M đã bồi thường cho chị N thì chưa tương xứng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền khởi kiện buộc bị đơn bồi thường tiếp là phù hợp pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị N chủ động liên lạc với bà Thu đại diện theo uỷ quyền của anh M thông báo về việc đã bán xe ô tô. Sau đó, chị N bán xe trên cho anh Nguyễn Công M với giá 120.000.000 đồng. Việc bán xe nhằm hạn chế thiệt hại do xe hỏng để lâu trong điều kiện không đảm bảo, có lợi cho bị đơn nên không vi phạm pháp luật. Tại các buổi làm việc ở Toà án, do bị đơn không đồng ý bồi thường bằng tiền nên nguyên đơn đề nghị bị đơn tự mang xe đi sửa chữa, nhưng bị đơn không đồng ý. Như vậy, phía nguyên đơn đã đưa ra các phương án hợp lý cho bị đơn lựa chọn nhưng bị đơn từ chối thực hiện nghĩa vụ.

Do anh M là người có hành vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng xe gây thiệt hại về vật chất cho chủ xe, phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, bồi thường tổn thất vật chất thực tế về tài sản và chi phí hợp lý khắc phục thiệt hại theo quy định tại Điều 360, Khoản 2 Điều 361 Bộ Dân sự 2015. Tại Khoản 2 Điều 361 Bộ Dân sự 2015 quy định *"Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút."*

Để xác định thiệt hại thực tế Toà án tiến hành định giá tài sản, đương sự thuê công ty thẩm định giá nhưng không được nên đã tiến hành thu thập báo giá của 3 Garage ô tô để lấy căn cứ tính thiệt hại và chi phí thực tế để khắc phục thiệt hại, cụ thể:

+Báo giá của của KIA ô tô Trường H 316.701.730 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

+Báo giá Kia a ô tô Long B là 290.598.970 đồng (chưa bao gồm giá sửa chữa, tháo lắp, thay thế); Xác minh tại KIA ô tô Trường H, chi nhánh Bắc Từ L thì báo giá thiết bị thay thế trong hệ thống của Kia là thống nhất nên xác định công tháo lắp tương đương là 50.000.000 đồng. Như vậy tổng chi phí là: 340.589.970 đồng.

+ Báo giá của Garage ô tô Công C: 320.000.000 đồng.

Giá bình quân của 3 Garage là: 326.863.323 đồng.

Xác định tổn thất vật chất thực tế: So với giá chị N mua xe ban đầu tại tại Salon ô tô Việt H (là 440.000.000 đồng), thời điểm bán xe sau tai nạn là 120.000.000 đồng thì tổn thất vật chất thực tế xác định được là 320.000.000 đồng. Thiệt hại, tổn thất vật chất do anh M gây ra với chị N, anh Nam là 320.000.000 đồng.

So sánh với chi phí hợp lý để khôi phục chiếc xe ô tô tai nạn với tổn thất thực tế xác định được có sự chênh lệch không đáng kể. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị N, xác định thiệt hại là 320.000.000 đồng. Chị N đề nghị Toà án buộc anh M bồi thường cho vợ chồng chị 320.000.000 đồng,

anh M đã bồi thường 60.000.000 đồng, nay bồi thường tiếp 260.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của chị N là phù hợp được chấp nhận, buộc anh Nguyễn Ngọc M phải bồi thường cho chị N, anh N là 320.000.000 đồng. Anh M đã bồi thường 60.000.000 đồng, anh M còn phải bồi thường tiếp 260.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh N, chị N về việc không yêu cầu anh M bồi thường thiệt hại thực tế do mất thu nhập từ việc kinh doanh xe, không yêu cầu bồi thường tiền lưu kho bãi nên không xem xét giải quyết. Trường hợp anh Nam, chị N có có yêu cầu anh M bồi thường thiệt hại do mất thu nhập thực tế, tiền lưu kho bãi thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đủ điều kiện.

2.2. Trong lời khai của bà T, anh M tại Tòa án, cho rằng anh M đã bồi thường đủ, cho rằng chị N có lỗi vì cam kết xe có bảo hiểm thì anh M mới nhận lái, đã bồi thường đủ 60.000.000 đồng, không đồng ý định giá do xe để lâu trong Garage. Xét thấy: Những lời trình bày trên nhằm chối bỏ trách nhiệm bồi thường đối với nguyên đơn, gây khó khăn cho hoạt động tố tụng của Tòa án. Hội đồng xét xử đã xác định thiệt hại vật chất thực tế do anh M gây ra với chị N, anh N là có thật, giá trị thiệt hại là 320.000.000 đồng. Anh M chỉ bồi thường 60.000.000 đồng là không phù hợp, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Qua xác minh và tài liệu trong hồ sơ do đương sự cung cấp thì xe ô tô trên được chủ xe cũ là Hoàng Văn H mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của Công ty cổ phần bảo hiểm A. Tuy nhiên, đây là loại hình Bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới đối với bên thứ ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra ngoài hợp đồng. Trong vụ án này, chủ xe chị N giao xe cho bên thứ hai là anh M thông qua giao dịch dân sự dưới dạng hợp đồng dân sự thuê lái xe trả công và có “Biên bản giao xe cho Nhân viên”, trong Biên bản, các bên có cam kết ràng buộc nghĩa vụ. Vì anh M đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với chị N (lái xe an toàn, hiệu quả, bảo quản xe..) lái xe tự gây tai nạn, gây thiệt hại về vật chất trực tiếp đối với chị N, anh Nam. Xác minh tại cơ quan công an nơi xảy ra tự nạn (Công an huyện Yên M, Công an huyện Khoái C thuộc tỉnh Hưng Y), không có ai trình báo về tai nạn, tự nạn liên quan đến chiếc xe trên, công văn của Công ty cổ phần bảo hiểm A xác nhận “Chưa nhận được yêu cầu bồi thường nào từ chủ xe ô tô 30F-292.48”. Hơn nữa, pháp luật không buộc chị N phải mua bảo hiểm thân vỏ tự nguyện để giảm trừ nghĩa vụ cho người gây ra thiệt hại đối với mình. Do vậy, anh M, bà Thu đưa ra quan điểm như trên nhằm chối bỏ nghĩa vụ và giảm trừ nghĩa vụ đối với chị N, anh N là xâm phạm quyền lợi hợp pháp của họ, không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là trên số tiền phải trả nguyên đơn.

- Bị đơn chịu 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 360, Khoản 2 Điều 361 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

- Chấp nhận yêu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Buộc anh Nguyễn Ngọc M phải bồi thường cho chị Vũ Thị N, anh Vũ Duy N 320.000.000 đồng. Anh M đã bồi thường được 60.000.000 đồng. Nay phải bồi thường tiếp 260.000.000 đồng.

- Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vũ Thị N không phải chi án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/00008670 ngày 30/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Duy Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Vũ Thị N, anh Nguyễn Ngọc M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Triệu Thuý Hà